UBND HUYỆN HOÀI ÂN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HOÀI ÂN

Số: 24 /TB-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoài Ân, ngày 05 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 (bổ sung lần 1) với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân

Địa chỉ: Thôn An Thường 2, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Trương Quang Trình

Chức vụ: Trưởng khoa Dược – TTB-VTYT

Điện thoại: 0962601377

Email: trinhtq@syt.binhdinh.gov.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp qua địa chỉ: Trương Quang Trình, Khoa Dược – TTB.VTYT, thôn An Thường 2, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Nhận qua email: trinhtq@syt.binhdinh.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 30 phút ngày 05 tháng 3 năm 2025 đến trước 15 giờ 30 phút ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1.Danh mục: Bao gồm 1 phụ lục kèm theo

2. Địa điểm cung cấp: Tại khoa Dược – TTB-VTYT , Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân, thôn An thường 2, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 03 ngày kể từ ngày đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi đủ điều kiện thanh toán.

5. Các thông tin khác (Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các vật tư y tế và các thông tin liên quan khác).

Trung tâm Y huyện Hoài Ân thông báo đến các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm, tham gia có thể gửi Bảng báo giá cho đơn vị theo (Mẫu báo giá đính kèm).

Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân kính thông báo./.

Nơi nhận:
-Như trên;
- Đăng tải trên trang đấu thầu https://muasamcong.mpi.gov.vn và http://ttythoaian.vn;
-Lưu: VT,KD-TTB.VTYT

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN T. BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HOÀI ÂN

Phan Văn Thạnh

PHỤ LỤC :

(Kèm theo thông báo số: 21 /TB-TTYT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	G1.1	Bàn chải rửa tay trong phẫu thuật	* Chất liệu: nhựa dùng trong y tế	Cái	40	
2	G1.2	Băng dính cá nhân	* Thành phần: - Gạc: phủ lớp lưới Polyethylene không gây dính. * Kích thước : 19mm (± 1mm) x 72mm (± 1mm)	Miếng	22.100	
3	G1.3	Bơm tiêm nhựa 50ml dùng cho ăn qua sonde	* Dung tích: 50ml + Ống Xylanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	50	
4	G1.4	Bông y tế không hút nước	* Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên nhưng sợi bông không có khả năng thấm nước.	Kg	10	
5	G1.5	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn dài 26mm, 1/2C.	Tép	50	
6	G1.6	Cóng đo Sample Cup	Vật liệu nhựa kích thước16 x 38mm thể tích 3ml	Cái	6.000	
7	G1.7	Đầu col vàng	* Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho ngành y tế thích hợp với các loại Micropipete. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. * Thể tích hút 20 - 200µl.	Cái	10.000	
8	G1.8	Đầu col xanh	* Chất liệu nhựa PP trung tính, chuyên dụng cho ngành y tế thích hợp với các loại Micropipete. Đầu col được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet. * Thể tích hút 200-1000µl.	Cái	10.000	
9	G1.9	Dây garo	* Chất liệu thun cotton, co dãn tốt. * Có gai dán.	Cái	230	
10	G1.10	Dây nối bơm tiêm điện	* Chất liệu nhựa y tế * Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. * Dây dài 150cm. * Đường kính trong: 0,9 mm. Đường kính ngoài: 1,9mm * Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. * Tiệt trùng	Cái	100	
11	G1.11	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	* Gỗ mềm dễ dàng khi sử dụng; hai đầu bo tròn. * Kích thước 15cm x 2cm x 0,2mm * Tiệt trùng	Cái	13.200	
12	G1.12	Dụng cụ đo chức năng đông máu	* Hộp bao gồm 1000 cái cuvette + 1000 viên bi.- Sử dụng được trên máy	Cái	2.000	

			xét nghiệm đông máu BE Thrombolyzer			
13	G1.13	Gạc cầu sản khoa	* Chất liệu: 100% cotton. Hình cầu, cấu tạo gồm: lớp bông được bọc ở giữa 2 lớp gạc. * Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. * Kích thước đường kính 50mm, vô trùng.	Cái	350	
14	G1.14	Gạc miếng Vaselin	* Thành phần gồm: Vải lưới từ Polyester không thấm nước và dung dịch vaselin. * Kích thước: 7cm x 40cm.	Miếng	800	
15	G1.15	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	* Chiều dài: ≥ 280mm. * Các size: 6,5; 7; 7,5 * Chất liệu: cao su thiên nhiên dùng trong y tế.	Đôi	14.500	
16	G1.16	Giấy in điện tim	* Chất liệu: giấy in kết quả dùng trong chuẩn đoán y khoa * Kích thước: 100mm x 50mm	Xấp	70	
17	G1.17	Khẩu trang phẫu thuật	* Nguyên liệu: vải không dệt không hút nước và giấy lọc khuẩn chuyên dụng 3 lớp * Có dây buộc qua đầu phẫu thuật viên và nẹp mũi. * Đã được tiệt trùng.	Cái	3.000	
18	G1.18	Kim chọc dò tủy sống	* Chất liệu: thép không rỉ * Số 27: 27G. * 3 mặt vát sắc bén. Chuôi kim có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. * Tiệt trùng	Cái	780	
19	G1.19	Kim chọc dò tủy sống	* Chất liệu: thép không rỉ * Số 29: 29G. * 3 mặt vát sắc bén. Chuôi kim có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. * Tiệt trùng	Cái	200	
20	G1.20	Lam kính nhám 1 đầu	Lam kính 7105 (nhám) Kích thước: 25.4 x 76.2mm Độ dày: 1 – 1.2mm	Miếng	2.160	
21	G1.21	Lam kính trơn	Lam kính 7102 (trơn) Kích thước: 25.4 x 76.2mm Độ dày: 1 – 1.2mm	Miếng	2.880	
22	G1.22	Lamen	Kích thước: 22 x 22mm Thủy tinh trong suốt	Miếng	2.400	
23	G1.23	Lưỡi dao mổ	* Chất liệu: thép không rỉ hoặc thép carbon * Số 10. Đầu tù. * Tiệt trùng.	Cái	1.600	
24	G1.24	Mask thanh quản	* Loại 2 nòng silicon tương thích sinh học. * Bóng silicone 2 lớp, mềm, trên lưng	Cái	20	

			bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa kít cổ họng * Dùng 1 lần, các số 1-5.			
25	G1.25	Mũ phẫu thuật	* Chất liệu: vải không dệt 100% Olefin, từ sợi Filament nhân tạo (đã nhuộm). * Không thấm nước, thoáng khí.	Cái	2.900	
26	G1.26	Nẹp Inselin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Thanh nẹp thẳng, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng.	Cái	200	
27	G1.27	Ống nghiệm nhựa	* Thể tích chứa mẫu: 5ml * Kích thước: 12mm x 75mm, có nắp * Chất liệu: nhựa dùng trong y tế.	Ống	15.000	
28	G1.28	Ống nghiệm nhựa chứa Citrat Natri	* Thể tích chứa mẫu: 2ml. * Thành phần: + Ống nghiệm: chất liệu nhựa dùng trong y tế. Ống có chứa 0,2ml Sodium citrate hoặc Trisodium citrate 3,8% . + Nắp ống nghiệm: nhựa dùng trong y tế.	Ống	800	
29	G1.29	Ống thông dạ dày	* Chất liệu: nhựa dùng trong y tế * Dài 40cm * Dây không quá cứng hoặc quá mềm, có chia vạch. * Tương thích với Bơm tiêm và nguồn hút kích thước nhỏ. * Số 16 - 18. Có nắp. * Tiệt trùng.	Cái	170	
30	G1.30	Săng mổ	Chất liệu: nhựa mềm, mỏng . Kích thước 50cm x 50cm.	Cái	950	
31	G1.31	Sâu máy thở (ống nối dây máy thở)	* Chất liệu nhựa dùng trong y tế * Chiều dài ống co dãn dễ điều chỉnh, đầu nối cong 90 độ có thể quay, vô trùng.	Cái	85	
32	G1.32	Thông hậu môn Rectal	* Chất liệu: nhựa dùng trong tế. Dây mềm, có chiều dài 400mm, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. * Số 24. * Tiệt trùng.	Cái	40	
33	G1.33	Túi đo lượng máu mất sau sinh	KT: 60x100cm, túi 2000ml, vạch chia nhỏ nhất 100ml	Cái	180	
34	G1.34	Vòng tránh thai	* Dụng cụ vô trùng đặt vào tử cung để tránh thai, hình chữ T bằng nhựa dẻo, có ống đồng khoảng 66.5 mg (ở 2 ngành ngang và ngành dọc), có dây ở cuối ngành dọc giúp lấy ra dễ dàng, có thước đo và ống đặt. * Đóng gói tiệt trùng.	Cái	46	
35	G1.35	Dung dịch KOH 10%	Dung dịch KOH 10%	Ml	1.000	

36	G1.36	Gel điện tim	* Thành phần: Nước khử ion, Carbomer, Triethanol anime, Monopropylen Glycol, Benzyl Alcohol... * Tube ≥ 250g.	Tube	20	
37	G1.37	Gel siêu âm	* Thành phần: Nước, Propylen, Glycol, Hydroxyl ethyl Cellulose, Glycerin, Sodium Benzoate.	Lít	160	
38	G1.38	Ngoại kiểm nước tiểu	Đáp ứng tối thiểu 10 thông số nước tiểu, các thông số kiểm chuẩn 10 thông số. Lọ>= 12mL	Ml	120	
39	G1.39	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu A (Anti A)	* Thành phần: Anti A.Phosphate buffer. Sodium azide <0.1%. Blue colour. Dye used: Patent Blue	Ml	120	
40	G1.40	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu AB (Anti AB)	* Thành phần: Anti A+B. Phosphate buffer. Sodium azide <0.1%. Colourless.	Ml	120	
41	G1.41	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu B (Anti B)	* Thành phần: Anti B. Phosphate buffer. Sodium azide <0.1%. Yellow colour. Dye used: Tartrazine.	Ml	120	
42	G1.42	Test ma túy 5 trong 1	Test thử nhanh phát hiện 5 chất gây nghiệm (AMP/THC/MOP/CODEIN/HEROIN) trong nước tiểu Ngưỡng phát hiện: - AMP: 500 ng/ml - THC: 50 ng/ml - MOP: 300 ng/ml - CODEIN: 300 ng/ml - HEROIN: 10 ng/ml Độ nhạy: 99.9%; Độ đặc hiệu: 99,9% Đạt tiêu chuẩn ISO	Test	7.000	
Tổng danh mục bao gồm 42 mặt hàng						

(Ghi chú: Giá hàng hóa đã bao gồm: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có) các chi phí vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan để cung cấp hàng hóa đến tận kho của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân)

PHỤ LỤC: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân)

Tên công ty:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1										
2										
3										
...										
Tổng: 42 khoản										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.